

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2018/DS-PT

Ngày: 28/06/2018

V/v: Tranh chấp đòi tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: - Bà Nguyễn Thu Hồng

Các Thẩm phán: - Bà Ngô Thị Thu Thiện

- Ông Đỗ Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết- Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Trần Thị Ngoan
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Đòi tiền”.

Do bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận HĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2018/QĐXX-PT ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Việt H; sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Lô 19, TTHCM, phường HC, quận HĐ, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Ông Kim Mạnh Th; sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Số 4, ngõ 2B, khu CĐ 3, phường HC, quận HĐ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn - anh Trần Việt H trình bày: Tháng 06 năm 2015, ông Th rủ anh góp vốn thành lập Công ty bảo vệ. Anh đã chuyển số tiền: 375.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông Th. Sau đó, thực hiện yêu cầu của ông Th, anh đã bỏ tiền mua sắm trang thiết bị cho trụ sở Công ty là 75.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà anh đã chuyển cho ông Th là 450.000.000 đồng.

Theo như thỏa thuận miệng ban đầu, việc thành lập Công ty bảo vệ do anh và ông Th cùng đứng tên. Nhưng sau khi Công ty được thành lập, anh không hề được đứng tên trong danh cách cổ đông thành lập Công ty. Trong suốt 06 tháng (từ tháng 6 năm 2015 đến tháng 02 năm 2016), ông Th chỉ đạo anh làm một số công việc như một người làm thuê cho ông Th mà anh cũng không được nhận bất cứ khoản tiền công nào từ những công việc này. Mặc dù anh đã hỏi nhiều lần nhưng ông Th không cho anh biết về tình hình thu chi của Công ty.

Ngày 29/07/2016, ông Th viết Bản cam kết với nội dung xác nhận số tiền anh đưa để cùng thành lập Công ty dịch vụ bảo vệ với tổng số tiền là 450.000.000 đồng nhưng không tiến hành được như dự kiến và cam kết hoàn trả anh toàn bộ số tiền trên theo từng đợt: Đợt 1: 100.000.000 đồng trước ngày 31/7/2016; Đợt 2: 150.000.000 đồng trước ngày 30/6/2017; Đợt 3: 200.000.000 đồng trước ngày 31/12/2017. Cùng ngày, ông Th đã trả lại anh 100.000.000 đồng.

Không đồng ý với thời hạn ông Th nêu, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc ông Th trả lại cho anh số tiền còn lại 350.000.000 đồng còn thiếu; thanh toán tiền lãi đối với số tiền 450.000.000 đồng với khoảng thời gian từ khi ông Th nhận cho đến khi thanh toán xong (theo lãi suất tiền vay của ngân hàng kể từ ngày nhận tiền 16/6/2015).

Bị đơn - ông Kim Mạnh Th trình bày: Ông xác nhận đã nhận của anh H số tiền là 375.000.000đ. Mục đích nhận số tiền trên là để cùng nhau thành lập Công ty bảo vệ. Sau khi nhận tiền, ông Th đã thành lập Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Thịnh Vượng, theo giấy phép đăng ký kinh doanh chị Trần Thu Trang (chị gái H)

là người đại diện theo pháp luật. Chị Trang chỉ là người đứng tên hộ trên giấy phép không liên quan đến hoạt động của Công ty. Anh H được bổ nhiệm làm phó giám đốc của Công ty nhưng không làm việc tại Công ty. Số tiền anh H cùng góp vốn đã được sử dụng hết để đầu tư sửa chữa văn phòng, chi phí giao dịch thành lập và duy trì hoạt động của Công ty. Mọi việc quản lý điều hành đều do ông đảm trách. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh H kiên quyết đòi rút vốn khỏi Công ty. Ngày 29/7/2016, ông đã trả cho anh H số tiền 100.000.000 đồng.

Ông không chấp nhận yêu cầu của anh H đưa ra: Không chấp nhận trả số tiền 75.000.000 đồng vì ông không biết về nguồn gốc số tiền; không chấp nhận trả lãi suất 10%/năm vì ông không vay tiền; không chấp nhận hoàn trả 100% số tiền còn lại là 275.000.000 đồng mà anh H đã tự nguyện góp vốn vào Công ty. Theo hạch toán thì Công ty còn thâm hụt 392.978.237 đồng. Ông yêu cầu anh H pH thanh toán cho ông một nửa là 196.489.118 đồng.

Toà án sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu về tình trạng hoạt động, đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Thịnh Vượng:

- Theo hồ sơ Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp:

Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Thịnh Vượng được thành lập, đăng ký lần đầu ngày 07/7/2015 do bà Trần Thu Trang là chủ sở hữu và là người đại diện theo pháp luật.

Ngày 14/6/2016, chuyển đổi thành Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Toàn Cầu, người đại diện theo pháp luật ông Tào Gia Thắng; chủ sở hữu chuyển nhượng vốn góp cho ông Tào Gia Thắng, bà Tào Thị Ngân, bà Mạc Thị Oanh.

Ngày 15/12/2016, chuyển đổi thành Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Thịnh Vượng, người đại diện theo pháp luật ông Tào Gia Thắng; thành viên góp vốn là Kim Mạnh Th (nhận chuyển nhượng cổ phần) và Tào Gia Thắng.

Chị Trần Thu Trang có bản tự khai xác nhận việc ông Th mượn tên và thông tin cá nhân của chị để thành lập Công ty. Tháng 5/2016, ông Th đã tìm được người thay thế, chị không còn liên quan đến hoạt động của Công ty và ông Th cam kết

chịu mọi trách nhiệm liên quan đến việc đăng ký thành lập, quản lý kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty trước pháp luật.

Tại bản án số 05/2018/DSST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận HĐ đã xử:

“Căn cứ: Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết của Ủy ban Th vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Việt H. Buộc ông Kim Mạnh Th phải trả cho anh Trần Việt H số tiền gốc 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Buộc ông Kim Mạnh Th phải trả cho anh Trần Việt H tiền lãi: $350.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / 12 \text{ tháng} \times 17,5 \text{ tháng} = 51.042.000 \text{ đồng}$.

Tổng số: 401.042.000 đồng (*Bốn trăm linh một triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự”

Ngày 11/3/2018, ông Kim Mạnh Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Buộc anh H phải chịu 50% số tiền hai bên cùng chi phí mua sắm để thành lập công ty TNHH DVBV Thịnh Vượng. Vì ông và anh H cùng nhau bàn bạc, thống nhất hợp tác góp vốn thành lập Công ty; nay anh H đơn phương chấm dứt việc hợp tác kinh doanh, phải chịu trách nhiệm với số tiền hai bên cùng nhau góp vốn để mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của Công ty và chi phí duy trì hoạt động của Công ty.

- Đối trừ với số tiền anh H đã giao cho ông, nay ông chỉ phải thanh toán cho anh H số tiền 116.510.882 đồng (450.000.000 đồng - 100.000.000 đồng đã thanh toán cho anh H - 233.989.118 đồng là một nửa số tiền ông và anh H bỏ ra mua sắm).

Trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm:

Ông Th không bổ sung tài liệu chứng cứ, không đến Toà dù đã Toà án triệu

tập hợp lệ ba (03) lần; ông Th có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử vụ án.

Về nội dung kháng cáo: Ông Th kháng cáo và yêu cầu buộc anh H cùng hạch toán các khoản thu chi của Công ty, yêu cầu này của ông Th tại cấp sơ thẩm phải được xác định là yêu cầu phản tố. Tòa án sơ thẩm không hướng dẫn ông Th viết đơn phản tố để thụ lý yêu cầu phản tố là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ngoài ra, Tòa án chưa làm rõ về việc nhờ chị Trang đứng tên trong đăng ký doanh nghiệp lần đầu; chưa thu thập chứng cứ việc ông Th viết giấy cam kết ngày 29/07/2016 có bị ép buộc không. Căn cứ khoản 3 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 05/QĐST-DS ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân quận HĐ.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về kháng cáo: Ông Kim Mạnh Th vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; ông Th được nhận bản án ngày 03/03/2018; ngày 05/03/2018 ông Th có đơn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định. Việc kháng cáo là hợp lệ.

Về phạm vi kháng cáo, tại đơn kháng cáo đề ngày 05/03/2018 ông Th có yêu cầu “*Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 16/01/2018*”

[2] Về sự vắng mặt của ông Th tại Tòa án phúc thẩm và phiên tòa phúc thẩm: ông Th có hai đơn đề nghị xét xử vắng mặt (đề ngày 08/05/2018 và ngày 18/06/2018) gửi qua đường bưu điện. Dù đơn không được chứng thực chữ ký

nhưng tại đơn đề ngày 14/01/2018 nộp tại Toà án sơ thẩm ông Th đã có ý kiến “*Xin vắng mặt tại tất cả các phiên xử của Toà án các cấp*” nên Hội đồng xét xử thấy cần xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc ông Th tại Toà án sơ thẩm đã không nộp tài liệu; không có mặt tại phiên toà sơ thẩm. Dù có đơn kháng cáo, nhưng tại Toà án cấp phúc thẩm không nộp tài liệu, không đến Toà. Hội đồng xét xử nhận thấy ông Th đã không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Về chứng cứ: Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ ngày 12/10/2017 cả nguyên đơn và bị đơn đồng ý với các tài liệu chứng cứ hai bên giao nộp, không có ý kiến gì khác về các tài liệu hai bên đã nộp và tài liệu do Toà án thu thập nên các tài liệu do Toà án sơ thẩm thu thập đủ điều kiện là chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92, Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về phạm vi giải quyết của vụ án: Về ý kiến của ông Th yêu cầu anh H phải thanh toán 1/2 số tiền Công ty thâm hụt là 392.978.237 đồng: Việc ông Th chỉ nêu ý kiến mà không thực hiện việc nộp đơn và các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp và có căn cứ là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hơn nữa, dù ông Th có nộp chứng cứ chứng minh anh H có thoả thuận góp vốn cùng ông; nhưng từ khi Công ty TNHH DV BV Thịnh Vượng được thành lập lần đầu vào ngày 07/07/2015 cho đến khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần và cho đến nay: anh H chưa từng có tên trong danh sách người góp vốn, cổ đông góp vốn của Công ty. Việc yêu cầu phân chia lợi tức và chịu lỗ trong Công ty chỉ được thực hiện đối với người góp vốn theo khoản 4 Điều 3 của Luật Doanh Nghiệp 2014 “*Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của Công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập*”. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH DV BV Thịnh Vượng (thay đổi lần 2 ngày 15/12/2016) thì đại diện theo Pháp luật của Công ty là ông Tào Gia Thắng; ông Th không có quyền khởi kiện đối với khoản lỗ nếu có của Công ty đối với anh H. Do vậy, Đơn phản tố của Th nếu có

nộp cũng thuộc trường hợp người khởi kiện không có quyền khởi kiện và không đủ điều kiện khởi kiện để có thể thụ lý và không thể nhập vào giải quyết cùng trong vụ án này. Do vậy, theo Điều 200, Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu của ông Th không được Toà án sơ thẩm chấp nhận là yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

[5] Xét nội dung kháng cáo của ông Kim Mạnh Th: Hội đồng xét xử thấy rằng ban đầu giữa anh H và ông Th có thoả thuận với nhau về việc góp vốn mở Công ty. Thực tế, anh Trần Việt H đã chuyển 375.000.000 đồng cho ông Kim Mạnh Th. Sau đó, anh H tiếp tục bỏ 75.000.000 đồng mua sắm trang thiết bị cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Thịnh Vượng. Tuy Công ty này không đứng tên ông Th nhưng do ông Th trực tiếp quản lý và điều hành. Theo hồ sơ thành lập doanh nghiệp thì anh H không phải là thành viên góp vốn hay cổ đông góp vốn của Công ty; anh H cũng không được chia lợi nhuận từ khi đưa tiền cho ông Th nên yêu cầu của ông Th về việc buộc anh H chịu khoản lỗ của Công ty là không có căn cứ.

[6] Xét nội dung vụ án:

[6.1] Xét quyết định của cấp sơ thẩm về tiền nợ gốc: Ngày 29/7/2016, ông Th đã xác nhận đã nhận 450.000.000 đồng của anh H và cam kết hoàn trả anh H số tiền này và thực tế ông Th đã trả cho anh H 100.000.000 đồng. Ông Th trình bày ông bị ép ký bản cam kết khi không tỉnh táo, hai bên đã thống nhất hủy bản cam kết này nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Đây là giao dịch dân sự giữa hai cá nhân và ông Th pH chịu trách nhiệm về giao dịch đã được xác lập này. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định ông Th còn nợ anh H 350.000.000 đồng, buộc ông Th pH trả số tiền gốc 350.000.000 đồng cho anh H là có căn cứ.

[6.2] Xét quyết định của cấp sơ thẩm về tiền lãi: Trong bản cam kết ngày 29/7/2016, ông Th cam kết thanh toán 150.000.000 đồng vào ngày 30/6/2017. Đến ngày 30/6/2017, ông Th không thanh toán mới phát sinh lãi. Mức lãi suất áp dụng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%; thời gian đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án là ngày 16/01/2018 là 6,5 tháng : $350.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / 12 \text{ tháng} \times 6,5 \text{ tháng} = 18.958.333 \text{ đồng}$. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định ông Th phải chịu lãi từ

ngày 16/6/2015 là không phù hợp.

Tổng số tiền ông Th phải thanh toán trả anh H là: 368.958.333 đồng (*Ba trăm sáu mươi tám triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*)

[7] Quan điểm của Hội đồng xét xử về đề nghị huỷ bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Như lập luận ở phần phạm vi giải quyết của vụ án, yêu cầu của ông Th về việc buộc anh H chịu 1/2 thâm hụt Công ty không được Toà án sơ thẩm chấp nhận là yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ; Toà án đã lấy lời khai của chi Trang về việc đứng hộ tên trong Giấy chứng nhận doanh nghiệp; ông Th không có bằng chứng chứng minh việc ông Th viết giấy cam kết ngày 29/07/2016 là bị ép buộc. Vì vậy, đề nghị của Viện Kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Th, sửa một phần án sơ thẩm về lãi nên:

[8.1] Anh H phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần lãi không được chấp nhận là $(51.042.000 \text{ đồng} - 18.958.333 \text{ đồng}) * 5\% = 1.604.000 \text{ đồng}$ (*Một triệu, sáu trăm linh tư nghìn đồng*)

[8.2] Ông Th phải chịu án phí án phí sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải thanh toán là: $368.958.333 \text{ đồng} * 5\% = 18.447.000 \text{ đồng}$ (*Mười tám triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*); ông Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 166, 357, khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 4 Điều 3 Luật doanh nghiệp 2014;
- Điều 5, 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 200, Điều 202, khoản 1 Điều 228, Điều 273, khoản 3 Điều 296, khoản 2 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Kim Mạnh Th; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 05/2018/DSST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố HĐ về nghĩa vụ trả tiền nợ gốc; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả lãi và nghĩa vụ chịu án phí. Quyết định cụ thể như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Việt H đối với ông Kim Mạnh Th về việc “Đòi tiền”.

- Buộc ông Kim Mạnh Th phải trả anh Trần Việt H 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) tiền gốc và 18.958.333 đồng (*Mười tám triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*) tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là 368.958.333 đồng (*Ba trăm sáu mươi tám triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*). Ông Th tiếp tục phải chịu lãi từ ngày 16/01/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người pH thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất là 10%/năm.

[2] Về án phí:

- Anh H phải chịu án phí sơ thẩm là 1.604.000 đồng (*Một triệu, sáu trăm linh tư nghìn đồng*); anh H đã nộp 17.500.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0003347 ngày 11/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận HĐ; anh H được nhận lại 15.896.000 đồng (*Mười lăm triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng*)

- Ông Th phải chịu án phí án phí sơ thẩm là 18.447.000 đồng (*Mười tám triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*); ông Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Th được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001258 ngày 21/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận HĐ; ông Th

còn phải nộp 18.147.000 đồng (*Mười tám triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*)

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án, Chi cục thi hành án dân sự quận HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng